TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 78/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2023
"*V/v Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Lin.
2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Phúc T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số 00, đường Nguyễn D, Phường Q, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã Đ, Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Trần Sở N, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 00, đường Nguyễn D, Phường Q, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Hai bên đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 21 tháng 02 năm 2023 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Phúc T trình bày: Ông Huỳnh Phúc T và bà Trần Sở N chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường Q, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 9 năm 2003. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp. Nay ông T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn bà N.

Về con chung: Ông T khai, ông T và bà N chung sống không có 02 con chung tên Huỳnh Phúc B, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2004 và Huỳnh Kim A, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2016. Khi ly hôn, con chung tên B đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T đồng ý giao con chung tên A cho bà N nuôi và ông cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông T khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai, ông T và bà N chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Sở N trình bày: Bà Trần Sở N xác nhận lời trình bày của ông T về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa bà N và ông T theo ông T trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng chỉ do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên về yêu cầu ly hôn bà N. Nay ông T xin ly hôn, bà Ngọc không đồng ý vì còn thương chồng, thương con.

Nếu Tòa án cho ly hôn;

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Phúc B, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2004 và Huỳnh Kim A, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2016. Khi ly hôn, con chung tên B đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà N xin được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Kim A, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2016 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn bà Trần Sở N có đăng ký tạm trú tại ấp N, xã Đức Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo xác nhận của Công an xã Đ ngày 20 tháng 02 năm 2023) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Phúc T và bà Trần Sở N chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường Q, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 9 năm 2003 nên quan hệ hôn nhân của ông T và bà N được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T và bà N chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu và thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được. Tại phiên tòa, ông T tha thiết xin được ly hôn với bà N. Ngược lại, bà N không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn nào

được ông T chấp nhận. Ngoài ra, bà N cho rằng ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên về yêu cầu ly hôn bà N. Ngoài ra, ông T và bà N thống nhất khai đã ly thân từ năm 2016 đến nay nhưng không có biện pháp hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa ông T và bà N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, ông T yêu cầu được xin ly hôn với bà N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà N thống nhất khai, vợ chồng chung sống 02 con chung tên Huỳnh Phúc B, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2004 và Huỳnh Kim A, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2016.

[2.2.1] Khi ly hôn, con chung tên B đã trưởng thành nên ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.2.2] Đối với con chung tên Huỳnh Kim A, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2016. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn, ông T và bà N thống nhất thỏa thuận: Bà N được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Kim A. Xét sự thỏa thuận về việc giao con chung cho một bên nuôi sau khi ly hôn giữa ông T và bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Về yêu cầu cấp dưỡng: Bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đồng còn ông T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tại Tòa bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng nhưng ông T cho rằng đứa con trai lớn đang học đại học do ông chu cấp hàng tháng, được bà N thừa nhận và ông làm lao động phổ thông nên không có khả năng nên xin Hội đồng xét xử xem xét. Xét thấy, ông T đang nuôi đứa con học đại học và ông làm làm lao động phổ thông nên chỉ cần phải buộc ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 82 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T và bà N thống nhất khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông T và bà N thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Ông Huỳnh Phúc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phúc T xin ly hôn với bà Trần Sở N.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Phúc T được ly hôn với bà Trần Sở N.

Về con chung: Huỳnh Phúc B, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2004 đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

Bà Trần Sở N được quyền tiếp tục nuôi con chung con chung tên Huỳnh Kim A, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2016 hiện bà N đang nuôi. Ông Huỳnh Phúc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi cháu Kim A trưởng thành đủ 18 tuổi

Ông Huỳnh Phúc T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom cháu Kim A mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T theo quy định của pháp luật. Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông T.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì ông T, bà N, người thân thích của cháu Kim A, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông T và bà N thống nhất khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Ông T và bà N thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về án phí: Ông Huỳnh Phúc T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tất cả sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà ông Tạo đã nộp theo biên lai số 8050 ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Ông Huỳnh Phúc T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

Án này là sơ thẩm, ông Tạo và bà Ngọc có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện.
- TAND tỉnh Long An.
- UBND Phường Q, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp